

Số: 2860 /KH-UBND

Tây Ninh, ngày 18 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ;
Chương trình hành động số 232-CTr/TU ngày 30/01/2024 của Tỉnh ủy
thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng
chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và
bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới**

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 68/NQ-CP); Chương trình hành động số 232-CTr/TU ngày 30/01/2024 của Tỉnh ủy Tây Ninh về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới" (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 232-CTr/TU).

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai quán triệt các quan điểm, mục tiêu Nghị quyết 42-NQ/TW; mục đích, yêu cầu của Nghị quyết số 68/NQ-CP và Chương trình hành động số 232-CTr/TU nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và Nhân dân về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng và phát triển chính sách xã hội bền vững trong giai đoạn mới.

- Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phải bám sát các nội dung của Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 232-CTr/TU đảm bảo đồng bộ, nhất quán, có trọng tâm, trọng điểm, khả thi, hiệu quả; xác định rõ nhiệm vụ của các cấp, các ngành, địa phương trong triển khai thực hiện, phù hợp với từng giai đoạn.

- Chủ động huy động sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, phù hợp với khả năng của địa phương, trong đó nguồn lực nhà nước đóng vai trò chủ đạo, nguồn lực của xã hội là quan trọng; kết hợp nguồn lực trong nước và ngoài nước. Nâng cao hiệu quả hợp tác giữa nhà nước, tư nhân, tổ chức xã hội, cộng đồng và Nhân dân trong quản lý, phát triển xã hội bền vững phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Các sở, ngành, đơn vị, địa phương bám sát nội dung Nghị quyết số 68/NQ-CP, Chương trình hành động số 232-CTr/TU để triển khai thực hiện nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự tham gia tích cực, chủ động, hiệu quả của các tầng lớp Nhân dân.

- Thường xuyên bổ sung, cập nhật những chủ trương, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp mới để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đề ra. Tăng cường kiểm tra, giám sát; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Phụ lục 1: Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch.

2. Phụ lục 2: Một số nội dung chủ yếu triển khai, thực hiện Nghị quyết 68/NQ-CP.

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Từ năm 2024 đến 2030, tầm nhìn đến 2045.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới. Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân về chính sách an sinh xã hội, khơi dậy tinh thần tự vươn lên của người dân và huy động nguồn lực thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội bền vững. Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh và các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án tăng cường trợ giúp pháp lý cho người yếu thế thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý.

Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội; thường xuyên giới thiệu, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng những gương

tiêu biểu, những mô hình tốt, cách làm hay đóng góp vào thực hiện chính sách xã hội.

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành có liên quan, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước trong xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách xã hội

Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, cá thể hóa trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân tiếp cận chính sách xã hội; tăng cường vai trò giám sát của Nhân dân; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

- Thực hiện tốt, đầy đủ các chính sách, chế độ ưu đãi người có công theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và các văn bản hướng dẫn liên quan.

- Để bảo đảm người có công và gia đình người có công có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú, tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ: Ưu tiên chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ nhà ở, giáo dục, đào tạo, việc làm, vay vốn, phát triển sản xuất và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người có công và thân nhân; Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ chi phí lễ tang và mai táng cho người có công khi từ trần theo Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành quy chế tổ chức lễ tang, chế độ phúng điếu đối với cán bộ, công chức, viên chức, đối tượng chính sách, người có công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào Đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc đời sống thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng.

- Hoàn thành cơ bản việc giải quyết tồn đọng trong chính sách người có công, nhất là công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ. Thường xuyên rà soát, xây dựng lộ trình nâng cấp, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ,

nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ đảm bảo mỹ quan, bền vững; huy động nguồn lực từ ngân sách, nguồn xã hội hóa phù hợp, đúng quy định.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp tục số hóa hồ sơ người có công, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực người có công trên địa bàn tỉnh.

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

a) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp về đổi mới, phát triển giáo dục nghề nghiệp là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng, Nhà nước; Đổi mới nội dung, chương trình, phương thức đào tạo, bảo đảm “học đi đôi với hành”; Nâng cấp và chuẩn hoá cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện đào tạo; Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, người dạy nghề, chuyên gia cho các ngành, nghề trọng điểm; Nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp theo hướng hiện đại, chất lượng cao; Nâng cao hiệu quả liên kết, hợp tác về giáo dục nghề nghiệp giữa Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp.

Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại kỹ năng nghề phù hợp cho lực lượng lao động, ưu tiên tập trung các ngành nghề và kỹ năng mới, nghề trọng điểm quốc gia; Triển khai thực hiện việc đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho lực lượng lao động; hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên, công nhân, nông dân và người lao động. Phối hợp với các sở, ngành liên quan đề xuất các chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ giải pháp thực hiện mục tiêu đến năm 2030 thu hút 40 - 45% học sinh trung học vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp.

Đẩy nhanh xã hội hoá giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp; Huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư vào một số nội dung, lĩnh vực phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về đào tạo nhân lực có tay nghề cao; Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và đào tạo nhân lực có tay nghề cao; sắp xếp, quy hoạch lại mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; Tăng cường xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đào tạo nhân lực có tay nghề cao; Đổi mới, hoàn thiện cơ chế,

chính sách, đa dạng hóa nguồn lực đào tạo nhân lực có tay nghề cao; Chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế.

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

b) Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiện đại, hiệu quả và bền vững

Tập trung triển khai thực hiện thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu người lao động, việc tìm người - người tìm việc tỉnh Tây Ninh; phát triển về quy mô đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chuyển đổi cơ cấu lao động. Nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thất nghiệp.

Tăng cường các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm của Trung tâm Dịch vụ việc làm - Giáo dục nghề nghiệp tỉnh; phát huy hiệu quả các thiết bị, phần mềm đã đầu tư cho các cơ quan, đơn vị trong công tác tuyên truyền, phát triển thị trường lao động từ cơ sở; đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm thông qua sàn giao dịch việc làm, ngày hội việc làm. Vận hành sàn giao dịch việc làm trực tuyến công khai, minh bạch, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng, chống hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động... Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật. Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao, trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp áp dụng cho các ngành nghề trong xã hội. Hiện đại hóa, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung - cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm.

Tăng cường thông tin, tuyên truyền về các chương trình tín dụng chính sách xã hội, chương trình cho vay giải quyết việc làm và Nghị quyết số 74/2024/NQ-HĐND ngày 28/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh, thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền nhằm bảo đảm các đối tượng tiếp cận đầy đủ thông tin, qua đó nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và mọi người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của tín dụng chính sách xã hội.

Tiếp tục mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, lao động là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, các nhóm đối tượng yếu thế và lao động có hoàn cảnh khó khăn khác.

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

a) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Phân tích, xác định, phân loại từng nhóm người theo từng địa bàn tại các xã, phường, thị trấn và triển khai các giải pháp thực hiện cụ thể, phù hợp với từng nhóm người tiềm năng.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ; đảm bảo quyền lợi cho người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo công khai minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người tham gia và thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Đơn vị chủ trì: Bảo hiểm xã hội tỉnh.

Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

b) Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần, giúp người dân kịp thời khắc phục khó khăn do tác động của khủng hoảng kinh tế, xã hội, thiên tai, dịch bệnh và các rủi ro khác.

- Nâng cao hiệu quả thực hiện công tác trợ giúp xã hội, có hình thức hỗ trợ thích hợp với từng nhóm đối tượng. Xác định đúng người thuộc diện được hưởng trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật, nhất là đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người cao tuổi, trẻ mồ côi, người khuyết tật. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách, nghiên cứu nâng mức hỗ trợ cho đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng tiếp cận mức sống tối thiểu.

- Thực hiện tốt công tác hỗ trợ khẩn cấp, bảo đảm người dân bị thiệt hại khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời ổn định cuộc sống. Đối với hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo, ưu tiên ngân sách nhà nước và huy động đóng góp từ cộng đồng, doanh nghiệp để đảm bảo nguồn lực thực hiện trợ giúp xã hội, từng bước đáp ứng mức sống tối thiểu.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Quyết định số 3281/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày

08/3/2021 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 1516/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2030.

- Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội đủ năng lực, quy mô, đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ cho đối tượng và người dân có nhu cầu. Phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em; đẩy mạnh công tác phòng ngừa, phát hiện, can thiệp sớm, hỗ trợ kịp thời người gặp khó khăn trong cuộc sống, góp phần xây dựng cộng đồng phát triển bền vững; kết nối, đẩy mạnh các hoạt động trợ giúp pháp lý trong các chương trình, chính sách về an sinh xã hội. Khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên các địa bàn và đối tượng đủ điều kiện thực hiện.

- Đổi mới việc huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trợ giúp xã hội, cứu trợ khẩn cấp; quản lý, sử dụng quỹ cứu trợ xã hội từ thiện, nhân đạo công khai, minh bạch, hiệu quả, đúng pháp luật.

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

c) Về công tác giảm nghèo bền vững

- Đẩy mạnh việc thực hiện Kế hoạch số 38-KH/TU ngày 10/9/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030; Kế hoạch số 4056/KH-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Kế hoạch số 38-KH/TU ngày 10/9/2021 của Tỉnh ủy.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Quyết định số 1664/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, trong đó tập trung thực hiện hiệu quả các dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình. Nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất, sinh kế cho người dân, thực hiện có chất lượng, hiệu quả công tác tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ tham gia dự án trước khi bàn giao cây, con giống, vật tư cho người dân.

- Thực hiện kịp thời các chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh dành cho hộ nghèo tại Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ đối tượng thuộc hộ gia đình không khả năng thoát nghèo trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Nghị quyết số 45/2022/NQ-HĐND ngày

09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chuẩn hộ nghèo tỉnh và chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều; hộ nghèo tỉnh; hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2025.

- Tăng cường triển khai chính sách tín dụng ưu đãi dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác theo chỉ đạo tại Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành và của Tỉnh.

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

a) Về giáo dục

Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Củng cố kết quả phổ cập giáo dục, xoá mù chữ, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi giai đoạn 2025-2030. Chú trọng phát triển mạng lưới trường lớp vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu đông dân cư. Tăng cường giáo dục hoà nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hoá, góp phần hỗ trợ khu vực công thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo. Tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của các Trung tâm Văn hoá, thể thao - học tập cộng đồng, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên cấp huyện; chấn chỉnh các trung tâm ngoại ngữ, tin học, đào tạo từ xa hoạt động không đúng quy định.

Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

b) Về y tế

- Tiếp tục triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 9/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao; hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên ngành Y tế tỉnh Tây Ninh. Tập trung quy hoạch và thu hút nguồn nhân lực y tế, nâng cao quy mô và cấp đào tạo, đào tạo lại cán bộ trong ngành, chú trọng đào tạo

toàn diện. Phối hợp với các trường để tăng cường chỉ tiêu đào tạo nữ hộ sinh, bác sỹ đa khoa, cử nhân y tế công cộng, dinh dưỡng và đào tạo sau đại học và chuyên khoa sâu. Ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực là người của địa phương.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 4750/QĐ-BYT sửa đổi, bổ sung Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh (KCB) và giải quyết các chế độ liên quan.

- Hoàn thiện quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế; đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, đảm bảo đủ nhân lực, nguồn ngân sách và cơ chế tài chính phù hợp cho y tế cơ sở, y tế dự phòng trong đó chú trọng đầu tư nâng cấp bệnh viện phục hồi chức năng lên quy mô 150 giường; Nâng cấp bệnh viện Y học cổ truyền lên quy mô 200 giường; Xây mới Bệnh viện đa khoa tỉnh quy mô 1.000 giường và đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng I; Xây mới Bệnh viện Lao và Bệnh phổi với quy mô 150 giường; Thành lập Bệnh viện sản nhi 200-400 giường; Tổ chức lại các Trạm Y tế theo hướng bố trí thiết bị và nhân lực hợp lý, không "cào bằng": Đến năm 2030, nâng cấp các Trung tâm y tế tuyến huyện có quy mô phù hợp sự phát triển kinh tế - xã hội. Trạm y tế xã, phường, thị trấn được tổ chức lại về số lượng và quy mô theo Chỉ thị 25-CT/TW.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác y tế ở tuyến y tế cơ sở, trong đó khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư cho công tác khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

- Thực hiện thoả thuận hợp tác và phát triển giữa các tỉnh vùng Đông Nam bộ với các nội dung trọng tâm như: hợp tác, hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật giữa các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến cuối trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các bệnh viện tuyến tỉnh thuộc vùng Đông Nam Bộ.

Đơn vị chủ trì: Sở Y tế.

Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

c) Về phát triển văn hóa

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá, di sản văn hoá dân tộc, văn hoá của đồng bào các dân tộc thiểu số, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa thành thị và nông thôn. Bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với phát triển văn hoá, xây dựng nếp sống văn minh, nâng cao đời sống văn hoá, tinh thần của Nhân dân.

Đơn vị chủ trì: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

d) Về thông tin

Xây dựng, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số và an toàn thông tin và Tập huấn chuyên đổi số, kỹ năng số cho Tổ Công nghệ số cộng đồng năm 2024 (nhằm tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân tiếp cận các công nghệ số theo cách đơn giản, tự nhiên, xuất phát từ nhu cầu của người dân, tạo ra giá trị và lợi ích thiết thực trong cuộc sống hằng ngày thông qua việc sử dụng công nghệ số).

Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

đ) Về nhà ở

- Triển khai các chính sách về nhà ở xã hội do Trung ương ban hành; hoàn thành các chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội theo Chương trình, Đề án, Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội của tỉnh đến năm 2030; Xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24/5/2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới; xây dựng Đề án phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030; Tham mưu ban hành Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh và các quyết định theo Danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các Luật của Quốc hội theo Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 07/3/2024.

Đơn vị chủ trì: Sở Xây dựng.

Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Tiếp tục rà soát, xây dựng Đề án sửa chữa, xây dựng nhà ở cho người có công với cách mạng, hộ nghèo có khó khăn về nhà ở (theo chủ trương của Tỉnh ủy).

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

e) Về nước sạch

Tiếp tục thực hiện các chương trình, dự án để bảo đảm cấp nước sạch đạt quy chuẩn phục vụ mục đích sinh hoạt cho người dân, nhất là người dân nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Đơn vị phối hợp: Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

g) Về vệ sinh môi trường

Thực hiện nghiêm chỉnh sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của Nhân dân. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; có giải pháp đủ mạnh để giải quyết triệt để ô nhiễm do nước thải, rác thải, khí thải; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề rác thải, khí thải, nước thải tại đô thị, khu vực nông thôn.

Đơn vị chủ trì: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Đơn vị phối hợp: các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội có tính liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu cơ bản và khả năng tiếp cận đối với đối tượng yếu thế, đồng thời phù hợp nhu cầu đa dạng của các nhóm xã hội. Nâng cao chất lượng các dịch vụ về việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội; phát triển toàn diện dịch vụ công tác xã hội và đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp; phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng. Cải tạo, nâng cấp cơ sở trợ giúp xã hội công lập hiện có góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội theo hướng hiện đại. Đẩy mạnh chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, hiện đại hoá và cung ứng dịch vụ xã hội.

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

8. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Khuyến khích các nguồn vốn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế hỗ trợ đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội, chính sách xã hội.

Đơn vị chủ trì: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tăng cường phối hợp tuyên truyền về nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, hệ thống chính trị các cấp, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện chính sách xã hội.

Thường xuyên lắng nghe, phản ánh, phối hợp giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát và phản biện xã hội; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng

thuận của hội viên, đoàn viên và Nhân dân trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân phát triển các loại hình cung cấp dịch vụ xã hội và tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo nội dung, chất lượng và đúng tiến độ theo Kế hoạch này; đồng thời triển khai công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước, việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các chính sách xã hội; thanh tra, kiểm tra những vấn đề nổi cộm, bức xúc, phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hành vi trục lợi chính sách; thực hiện công tác tiếp dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trong việc thực hiện các chính sách xã hội theo quy định.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch được phân công. Định kỳ trước ngày 15/11 hàng năm, báo cáo kết quả, tiến độ, những đề xuất, kiến nghị trong quá trình tổ chức thực hiện, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh, Báo Tây Ninh phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Nghị quyết 42-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ và Chương trình hành động 232-Ctr/TU của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ-TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

3. Sở Tài chính phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có) tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí theo quy định trong việc triển khai thực hiện các chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này của các sở, ban, ngành, địa phương; là đầu mối tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện; tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh trình Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước ngày 25/11 hàng năm.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 232-CTr/TU ngày 30/01/2024 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới./.

Nơi nhận: *ML*

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng KGVX;
- Lưu VT, VP UBND tỉnh. *Trình*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



ML
Nguyễn Hồng Thanh



Phụ lục 1

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

(Kèm theo Kế hoạch số 2360/KH-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu		Ghi chú
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
1	Ưu đãi NCC với cách mạng				
	Tỉ lệ người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú	%	-	100	
2	Lao động, việc làm, phát triển thị trường lao động				
	Tỉ lệ thất nghiệp chung	%	< 3	< 3	
	Tỉ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	< 4	< 4	
	Tỉ lệ việc làm phi chính thức	%	< 60	< 40	
	Tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	25	< 20	
	Tỉ lệ lao động nữ làm công hưởng lương	%	50	60	
	Tỉ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động có việc làm	%	40	50	
3	Phát triển nguồn nhân lực				
	Chỉ số HDI		> 0,7	> 0,7	
	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%	28-30	35-40	
	Tỉ lệ lao động có các kĩ năng công nghệ thông tin	%	80	90	
	Tỉ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp	%	35	40	
	Tỉ lệ nữ học viên, học sinh, sinh viên được tuyển mới thuộc hệ thống giáo dục nghề nghiệp	%	30	40	
4	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế				
	Tỉ lệ LLLĐ trong độ tuổi tham gia BHXH	%	45	60	
	Tỉ lệ nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia BHXH tự nguyện trong LLLĐ trong độ tuổi	%	2,5	5	
	Tỉ lệ người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, BHXH hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội	%	55	60	
	Chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia BHXH	%	85	90	
	Tỉ lệ LLLĐ trong độ tuổi tham gia BHYT	%	35	45	
	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	95	> 95	



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu		Ghi chú
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
	Tỉ lệ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia BHYT	%	98	-	
	Hỗ trợ bảo hiểm y tế cho trẻ em	Bậc học	Tiểu học	THCS	
	Tỉ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	> 80	> 90	
	Tỉ lệ lao động là người khuyết tật có giấy xác nhận khuyết tật được hỗ trợ BHYT	%	60	100	
	Tỉ lệ người cao tuổi tham gia bảo hiểm y tế	%	98	100	
5	Trợ giúp xã hội và giảm nghèo				
	Tỉ lệ dân số được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng	%	3,5	4	
	Tỉ lệ đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời	%	100	100	
	Tỉ lệ hộ gia đình chăm sóc trẻ em dưới 36 tháng tuổi, thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100	
	Tỉ lệ phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100	
	Tỉ lệ người cao tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100	
	Tỉ lệ người có hoàn cảnh khó khăn, người có thu nhập thấp được đảm bảo mức sống tối thiểu	%	-	100	
	Tỉ lệ hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo được hưởng trợ cấp xã hội	%	-	100	
	Tỉ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp	%	90	95	
	Tỉ lệ người nghèo, người có công với cách mạng, đối tượng chính sách và người yếu thế thuộc diện người được trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	%	-	100	
	Mức giảm tỉ lệ hộ nghèo đa chiều hàng năm	%/năm	0,1-0,15	-	
	Mức tăng thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo so với năm 2021	Lần	2	-	
	Tỉ lệ người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong những dịch vụ hỗ trợ cơ bản	%	80	90	
	Tỉ lệ người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn	%	50	70	
	Tỉ lệ cơ sở trợ giúp xã hội công lập triển khai	%	70	100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu		Ghi chú
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
	các hoạt động trợ giúp phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới				
	Tỉ lệ đối tượng gặp khó khăn đột xuất do thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, tai nạn giao thông, tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng hoặc các lý do bất khả kháng khác được trợ giúp kịp thời	%	100	100	
	Tỉ lệ người dân có nhu cầu được cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội phù hợp	%	50	100	
	Tỉ lệ người cao tuổi có nhu cầu và khả năng lao động có việc làm, được đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp	%	50	70	
	Số người làm công tác xã hội/1000 dân	Người	-	>= 2	
6	Giáo dục				
	Tỉ lệ số tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi	%	-	100	
	Tỉ lệ huy động trẻ em nhà trẻ	%	30-35	35-40	
	Tỉ lệ huy động trẻ em mẫu giáo	%	95	95- 97	
	Tỉ lệ trẻ em mầm non được học 2 buổi/ngày	%	99,5	99,5	
	Tỉ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	%	60	> 60	
	Tỉ lệ đi học đúng tuổi cấp tiểu học	%	-	> 99,5	
	Tỉ lệ đi học đúng tuổi cấp trung học cơ sở	%	-	> 95	
	Tỉ lệ đi học đúng tuổi cấp trung học phổ thông và tương đương	%	-	> 75	
	Tỉ lệ tỉnh, thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	%	70	> 90	
	Tỉ lệ hoàn thành cấp tiểu học	%	-	99	
	Tỉ lệ hoàn thành cấp trung học cơ sở	%	-	99	
	Tỉ lệ hoàn thành cấp trung học phổ thông	%	-	97	
	Tỉ lệ trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục	%	80	90	
7	Y tế				
	Mức sinh thay thế (Quốc gia)	Mức độ	-	Bảo đảm vững chắc	
	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	74,5	75	
	Số năm sống khỏe	Năm	67	68	
	Chỉ tiêu số lượng trên 10.000 dân				
	<i>Phần đầu số giường bệnh</i>	<i>Giường</i>	30	35	
	<i>Phần đầu số bác sỹ</i>	<i>người</i>	10	19	
	<i>Số dược sỹ</i>	<i>người</i>	-	4	
	<i>Phần đầu số điều dưỡng viên</i>	<i>người</i>	-	33	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu		Ghi chú
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
	Tỉ lệ người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả	%	-	> 95	
	Tỉ lệ người dân được quản lý sức khỏe	%	-	> 95	
	Tỉ lệ phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế	%	> 80	-	
	Tỉ lệ tiêm chủng mở rộng với 14 loại vắc xin	%	-	95	
	Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi	%	-	< 15	
	Chấm dứt các dịch bệnh AIDS, lao và loại trừ sốt rét	Mức độ	-	Giải quyết cơ bản	
	+ Chấm dứt các bệnh AIDS: tỷ lệ người nhiễm HIV trong cộng đồng biết tình trạng HIV của mình	%	>90	>95	
	Tỉ lệ người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế	%	80	90	
	Tỉ lệ trẻ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện, can thiệp sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và can thiệp sớm các dạng khuyết tật	%	70	80	
	Tỉ lệ người cao tuổi được chăm sóc sức khỏe ban đầu kịp thời, khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe	%	90	100	
	Tỉ lệ người cao tuổi khi ốm đau, dịch bệnh được khám chữa bệnh và được hưởng sự chăm sóc của gia đình và cộng đồng	%	100	100	
8	Phát triển văn hóa và thông tin, truyền thông				
	Tỉ lệ người dân được xem các kênh phát thanh, kênh truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương		100	100	
	Tỉ lệ các chương trình thời sự và bản tin phát sóng truyền hình có ngôn ngữ ký hiệu	%	50	80	
	Tỉ lệ dân số được phủ sóng di động	%	100	100	
	Tỉ lệ xã được cung cấp dịch vụ viễn thông phổ cập	%	100	100	
	Tỉ lệ xã đạt chuẩn tiêu chí số về thông tin và truyền thông theo Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao	%	>60	100	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Mục tiêu		Ghi chú
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
9	Nhà ở				
	Xây dựng căn hộ nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp	Căn hộ	-	11.900	
	Xóa bỏ tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho các đối tượng	Mức độ	Giải quyết cơ bản	Xóa bỏ hoàn toàn	
	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ² sàn/người	27	33	
	<i>Thành thị</i>	m ² sàn/người	28	32	
	<i>Nông thôn</i>	m ² sàn/người	26	28	
	Tỉ lệ nhà ở kiên cố	%	-	85-90	
	<i>Thành thị</i>	%	-	100	
	<i>Nông thôn</i>	%	-	75-80	
	Tỉ lệ nhà ở có hệ thống cấp điện được đấu nối vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực	%	-	100	
10	Nước sạch, vệ sinh môi trường				
	Tỉ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn				
	<i>Thành thị</i>	%	-	100	
	<i>Nông thôn</i>	%	-	80	
	Tỉ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh				
	<i>Thành thị</i>	%	85	-	
	<i>Nông thôn</i>	%	>95	-	
	Tỉ lệ hộ gia đình có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	-	100	
	Tỉ lệ trường học có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	85	100	
	Tỉ lệ trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	-	100	
	Tỉ lệ điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt	%	-	25	
	Tỉ lệ nước thải sinh hoạt được xử lý	%	-	15	
	Tỉ lệ hộ chăn nuôi, trang trại được xử lý chất thải chăn nuôi	%	-	75	

Phụ lục 2

MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 68/NQ-CP
(Kèm theo Kế hoạch số 2360/KH-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình	Thời gian trình	Sản phẩm
I	NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA CHÍNH SÁCH XÃ HỘI					
1	Triển khai Đề án tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách xã hội đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Thông tin truyền thông, Báo Tây Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh và các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
2	Triển khai Đề án tăng cường trợ giúp pháp lý cho người yếu thế thuộc diện được trợ giúp pháp lý.	Sở Tư pháp	các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện, thị xã, thành phố.	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
II	NÂNG CAO NĂNG LỰC, HIỆU LỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHÍNH SÁCH XÃ HỘI					
1	Triển khai Đề án Tăng cường chuyển đổi số trong công tác quản lý ngành Y tế đến năm 2030	Sở Y tế	Sở Thông tin và truyền thông, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành, tổ chức có liên quan	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
2	Triển khai Đề án chuyển đổi số toàn diện lĩnh vực lao động, người có công và xã hội phục vụ người dân và doanh nghiệp đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Thông tin và truyền thông, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan, UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai

III	THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG					
1	Triển khai Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành có liên quan, UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
2	Triển khai Nghị định điều chỉnh mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng đối với người có công với cách mạng và các chế độ ưu đãi người có công	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
3	Đề án sửa chữa, xây dựng nhà ở cho người có công với cách mạng (theo chủ trương của Tỉnh ủy)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Quyết định; Đề án
4	Rà soát mức hỗ trợ, thiết kế và dự toán xây dựng mẫu nhà ở hỗ trợ người có công với cách mạng (nhà tình nghĩa) trên địa bàn tỉnh (nếu có)	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh		Công văn; hồ sơ bản vẽ, dự toán
IV	PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC, TẠO VIỆC LÀM BỀN VỮNG					
1	Triển khai Luật Việc làm (sửa đổi)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch hoặc Công văn
2	Triển khai Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm	Sở Y tế	các sở, ban, ngành liên quan	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
3	Triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện khuyến nghị của Ủy ban về quyền trẻ em của Liên hiệp quốc.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các sở, ban, ngành liên quan	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch

4	Triển khai thực hiện Nghị định quy định chi tiết về hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục theo từng giai đoạn phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội	Sở Giáo dục và Đào tạo	các sở, ban, ngành liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch hoặc Công văn
5	Triển khai thực hiện Đề án đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các sở, ban, ngành liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
7	Triển khai thực hiện Đề án Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ban, ngành liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
8	Triển khai thực hiện Đề án Nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
9	Triển khai Nghị định quy định chính sách thu hút và trọng dụng người có tài năng vào cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Nội Vụ	Cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trong tỉnh	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
10	Triển khai Đề án Chiến lược phát triển nguồn nhân lực đến năm 2030 và tầm nhìn 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	các sở, ban, ngành liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
11	Triển khai Đề án xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp áp dụng cho các ngành, nghề trong xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Sở Công thương; Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
12	Triển khai thực hiện Nghị định của Chính phủ về Bảo hiểm tai nạn lao động đối với lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Bảo hiểm xã hội và các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
13	Triển khai Nghị định về tín dụng chính sách xã hội hỗ trợ tạo việc làm và sinh kế cho các nhóm lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh và các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai

			Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố			
14	Triển khai thực hiện Đề án khuyến khích người sử dụng lao động công nhận, tuyển dụng, sử dụng, trả tiền lương, tiền công cho người lao động dựa trên kỹ năng và năng lực nghề nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Liên đoàn lao động; Ban quản lý Khu kinh tế, Sở Tài Chính, Sở Kế hoạch và đầu tư	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
V	XÂY DỰNG HỆ THỐNG AN SINH XÃ HỘI BẢO ĐẢM ĐỊNH HƯỚNG XHCN, KHÔNG ĐỂ AI BỊ BỎ LẠI PHÍA SAU					
1	Triển khai chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về trợ cấp hưu trí xã hội, bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Bảo hiểm xã hội và các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
2	Triển khai thực hiện Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế	Sở Y tế	các sở, ban, ngành, các tổ chức có liên quan	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
3	Triển khai thực hiện Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế	Sở Y tế	các sở, ban, ngành, các tổ chức có liên quan	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
4	Triển khai Dự án Luật trợ giúp xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2029	Văn bản triển khai
5	Triển khai Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
6	Triển khai Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 93/2019/NĐ-CP ngày 25/11/2019 của Chính phủ quy	Sở Nội vụ	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai

	định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện					
7	Triển khai Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Người cao tuổi	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2027	Văn bản triển khai
8	Triển khai Chiến lược quốc gia về người cao tuổi đến năm 2035, tầm nhìn 2045	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
9	Triển khai Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Người khuyết tật	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2028	Văn bản triển khai
10	Triển khai Chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2026	Văn bản triển khai
11	Xây dựng Kế hoạch Tổng kết việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, trình Quốc hội xem xét, quyết định việc tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
12	Triển khai Dự án sửa đổi, bổ sung Luật Bình đẳng giới	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2027	Văn bản triển khai
13	Triển khai Đề án nghiên cứu, xây dựng Chương trình phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2026-2030	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
14	Triển khai Đề án xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030	Công an tỉnh	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai

15	Triển khai Dự án Luật về Phòng, chống mại dâm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2028	Văn bản triển khai
VI	NÂNG CAO PHÚC LỢI TOÀN DÂN, BẢO ĐẢM MỌI NGƯỜI DÂN ĐƯỢC TIẾP CẬN, THỤ HƯỞNG CÁC DỊCH VỤ XÃ HỘI CƠ BẢN CÓ CHẤT LƯỢNG					
1	Triển khai thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi	Sở Giáo dục và Đào tạo	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
2	Triển khai thực hiện đổi mới chương trình giáo dục mầm non	Sở Giáo dục và Đào tạo	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
3	Triển khai thực hiện Đề án Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2026	Kế hoạch
4	Triển khai thực hiện Quyết định Sửa đổi, bổ sung Quyết định 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển Kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030: “Bổ sung đối tượng thụ hưởng là cấp học mầm non”	Sở Giáo dục và Đào tạo	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
5	Triển khai thực hiện Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông xã, thôn đặc biệt khó khăn	Sở Giáo dục và Đào tạo	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
6	Triển khai thực hiện Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Sở Giáo dục và Đào tạo	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
7	Triển khai Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dược	Sở Y tế	các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai

8	Triển khai khung chính sách tổng thể về dân số, bảo đảm tỉ suất sinh thay thế phù hợp với vùng, miền, đối tượng dân cư và số lượng, chất lượng dân số	Sở Y tế	các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
9	Triển khai Đề án sửa đổi, bổ sung Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia	Sở Y tế	các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
10	Triển khai Đề án nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, phòng ngừa có hiệu quả dịch bệnh, bảo đảm an ninh y tế	Sở Y tế	các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
11	Triển khai Đề án tăng cường công tác phòng, chống HIV/AIDS tiến tới cơ bản chấm dứt dịch bệnh AIDS vào năm 2030 và bảo đảm kiểm soát dịch bệnh AIDS không tái bùng phát sau năm 2030	Sở Y tế	các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
12	Triển khai Đề án quản lý sức khỏe toàn dân	Sở Y tế	các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
13	Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035"	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
14	Xây dựng, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số và an toàn thông tin và Tập huấn chuyển đổi số, kỹ năng số cho Tổ Công nghệ số cộng đồng năm 2024	Sở Thông tin và Truyền thông	các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
15	Ban hành Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh và các quyết định theo Danh mục quyết định	Sở Xây dựng	các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Nghị định, Quyết định,

	của UBND tỉnh quy định chi tiết các Luật của Quốc hội theo Quyết định số 436/QĐ-UBND ngày 07/3/2024					
16	Đề án sửa chữa, xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn Trung ương và hộ nghèo theo chuẩn nghèo tỉnh trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	các sở, ban, ngành có liên quan và UBND huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Quyết định
17	Triển khai thực hiện các nội dung của Nghị định quy định về cấp nước sinh hoạt nông thôn.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
VII	ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CUNG CẤP DỊCH VỤ XÃ HỘI					
1	Triển khai Bộ chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia BHXH, BHYT	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
2	Triển khai Nghị định về công tác xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Văn bản triển khai
3	Triển khai Đề án củng cố và phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2026	Văn bản triển khai
4	Triển khai Đề án phát triển cơ sở giáo dục mầm non và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giới thiệu trẻ từ 06 đến 36 tháng tuổi là con công nhân tại địa bàn khu công nghiệp, khu chế xuất giai đoạn 2024- 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
5	Triển khai Đề án nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của trung tâm học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch

	tập cộng đồng các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		nhân dân các huyện, thị xã, thành phố			
6	Triển khai Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông giai đoạn 2026 - 2030	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	2026	Kế hoạch
7	Triển khai Đề án thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng và nâng cao sức khỏe giai đoạn 2024 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
8	Triển khai các tiêu chí quốc gia và cơ chế tài chính cho chăm sóc sức khỏe ban đầu và y tế dự phòng	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
9	Triển khai Đề án phát triển y tế học đường	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
10	Triển khai Đề án xây dựng, phát triển nhân viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch
11	Triển khai Đề án hệ thống chăm sóc sức khỏe Tâm thần	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành có liên quan	UBND tỉnh	2025	Kế hoạch

**Đối với thời gian trình cụ thể, đề nghị các cơ quan, đơn vị bám sát văn bản Trung ương để kịp thời cụ thể hoá các văn bản quy phạm pháp luật nhằm triển khai thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và Bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.*